

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2024
“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lil
Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2024/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Tuấn D, sinh năm 1994, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 21/8/2024.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Diễm S, sinh năm 2000, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Trần Tuấn D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Chị Phan Thị Diễm S tự nguyện chung sống với nhau với nhau từ năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật và được ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 17/02/2020.

Trong thời gian chung sống vợ tôi có mối quan hệ khác, tôi đã khuyên nhưng vợ tôi không chịu nên xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không đạt được. Tôi và chị Sương đã ly thân khoảng 02 năm nay, trong thời gian này vợ chồng tôi không liên lạc với nhau

để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với chị Sương nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và Chị Phan Thị Diễm S có 01 con chung Trần Đại Phúc T, sinh ngày 22/02/2019. Hiện nay con chung đang ở với chị Sương, nên tôi đồng ý giao lại con chung lại cho chị Sương tiếp tục chăm sóc và giáo dục, tôi sẽ cấp dưỡng 1 tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Thịnh tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không ai nợ tiền vợ chồng tôi.

Đối với bị đơn Chị Phan Thị Diễm S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập Chị Phan Thị Diễm S tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Chị Phan Thị Diễm S vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Trần Tuấn D đối với Chị Phan Thị Diễm S. Về con chung: Giao em Trần Đại Phúc Thịnh, sinh ngày 22/02/2019 lại cho chị Sương tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, mặc dù chị Sương không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng, nhưng Anh D tự nguyện cấp dưỡng 1 tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu T tròn 18 tuổi đây là sự tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng Anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Tuấn D yêu cầu ly hôn với Chị Phan Thị Diễm S, Chị Phan Thị Diễm S đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Tuấn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Chị Phan Thị Diễm S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Trần Tuấn D và Chị Phan Thị Diễm S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Tuấn D yêu cầu ly hôn với Chị Phan Thị Diễm S, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trần Tuấn D và Chị Phan Thị Diễm S tự nguyện chung sống với nhau 2019 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật và được ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 17/02/2020 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Anh Trần Tuấn D và Chị Phan Thị Diễm S phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị Sương tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị Sương vắng mặt không có lý do thể hiện chị Sương không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 8 năm 2024, của trưởng ấp, Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định trong thời gian chung sống Anh D và chị Sương và chung sống có đăng ký kết hôn, có 01 con chung, hiện nay do chị Sương đang chăm sóc và giáo dục, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân cho đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Anh D và chị Sương đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Trần Tuấn D đối với Chị Phan Thị Diễm S.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Anh Trần Tuấn D và Chị Phan Thị Diễm S thống nhất xác định anh và chị có 01 con chung tên em Trần Đại Phúc Thịnh, sinh ngày 22/02/2019. Khi anh và chị Sương ly thân em Trần Đại

Phúc Thịnh, sinh ngày 22/02/2019 do chị Sương chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét thấy, em Trần Đại Phúc Thịnh, sinh ngày 22/02/2019 còn nhỏ và từ khi ly thân đến nay chị Sương chăm sóc rất tốt. Do đó, cần tiếp tục giao em Trần Đại Phúc Thịnh, sinh ngày 22/02/2019 cho chị Sương tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Phan Thị Diễm S không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng Anh D tự nguyện cấp dưỡng 1 tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Thịnh tròn 18 tuổi đây là sự tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp, buộc Anh D cấp dưỡng cho cháu Thịnh 1 tháng 2.000.000 đồng (tính từ tháng 9 năm 2024) cho đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi. Anh Trần Tuấn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Anh Trần Tuấn D yêu cầu ly hôn với Chị Phan Thị Diễm S, nên Anh Trần Tuấn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng Anh D phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Anh Trần Tuấn D được ly hôn với Chị Phan Thị Diễm S.

2. Về con chung: Giao em Trần Đại Phúc T, sinh ngày 22/02/2019 cho Chị Phan Thị Diễm S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc Anh D cấp dưỡng 1 tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu T tròn 18 tuổi (tính từ tháng 9 năm 2024).

Anh Trần Tuấn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Anh Trần Tuấn D phải chịu. Anh Trần Tuấn D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010525 ngày 06/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng 300.000 đồng buộc Anh D phải chịu.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đĩnh Bình;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Phạm Kiều Diễm